

Bản án số: 01/2024/HNGĐ – ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2024
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phùng Đình Bàn.
- Ông Lưu Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Duy Tám – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 267/2023/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N A, sinh năm 1989, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Trương Q H, sinh năm 1989, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2023 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N A trình bày:*

Về tình cảm: Chị và anh H kết hôn ngày 10/4/2013 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Kết hôn xong chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh H, được khoảng 01 năm thì vợ chồng mua nhà chuyển khẩu về sinh sống tại phường Đ, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng những năm đầu bình thường, đến năm

2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng khác nhau. Anh H thường xuyên gây sự và đánh đập chị. Hiện tại chị và anh H vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên chị xin được kiên quyết xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị xác nhận có 02 con chung là cháu Trương Khang, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Trương Phúc, sinh ngày 03/8/2019. Ly hôn chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Khang; anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Phúc. Cả hai không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, cho vay chung của vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Q H trình bày:*

Về tình cảm: Anh thừa nhận anh và chị N A đăng ký kết hôn ngày 10/4/2013 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Kết hôn xong vợ chồng về sống chung cùng gia đình anh tại xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch, được khoảng 01 năm thì vợ chồng chuyển về sinh sống tại phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong cuộc sống đôi khi vợ chồng không có tiếng nói chung nhưng anh thấy không đến mức mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc ly hôn. Nay chị Anh làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, anh mong được đoàn tụ để vợ chồng về cùng nuôi dạy các con. Nếu chị Anh vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh thừa nhận có 02 con chung là cháu Trương Khang, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Trương Phúc, sinh ngày 03/8/2019. Quá trình giải quyết vụ án anh trình bày nếu ly hôn xảy ra anh tôn trọng ý kiến của các con, nếu muốn ở với ai thì anh cũng đồng ý. Tại phiên tòa anh đồng ý với ý kiến của chị Anh, đồng ý để chị Anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Khang; anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Phúc. Cả hai không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, cho vay chung của vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh

Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

* Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N A được ly hôn với anh Trương Q H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Khang, sinh ngày 02/01/2015; giao cho anh Trương Q H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Phúc, sinh ngày 03/8/2019. Cả hai không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp của Tòa án: Chị Nguyễn Thị N A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Q H có hộ khẩu thường trú tại: Phường Đ, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 10/4/2013 phù H với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân H pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị A và anh H có hộ khẩu thường trú đều xác định: Quá trình chung sống địa phương được biết vợ chồng anh H, chị Ngọc Anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau và

nhiều lần địa phương có được chị A phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng và chị A đang làm đơn xin ly hôn anh H.

Về con chung: Chị A và anh H có hai con chung là cháu Trương Khang, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Trương Phúc sinh ngày 03/8/2019. Hiện tại các cháu vẫn chung sống cùng bố mẹ tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống ở địa phương thì anh H làm nghề lái xe taxi tự do, còn chị A mở quán cà phê tại khu đô thị Vạn Cát ở phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên. Theo địa phương thì cả chị A và anh H đều có đủ điều kiện mỗi người một con.

Nay chị A làm đơn xin ly hôn anh H và được Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên đang thụ lý giải quyết. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc chị A làm đơn xin ly hôn anh H vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa án H thừa nhận từ năm 2019 đến nay vợ chồng không có tiếng nói chung, có một vài lần do tức giận nên anh có đánh chị A. Lần gần đây nhất vào gần cuối tháng 12/2023 sau khi hòa giải ở Tòa án về, anh có khuyên chị A rút đơn về đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con nhưng chị A vẫn ngoan cố không nghe. Do vậy, cả hai đã to tiếng với nhau và anh đã đánh chị A. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn các con phải chịu cảnh xa bố hoặc mẹ. Nếu chị A vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Thấy rằng, anh H không đồng ý ly hôn nhưng lại không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị A và anh H đều thừa nhận có một con chung là cháu Trương Khang, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Trương Phúc, sinh ngày 03/8/2019. Ly hôn chị A xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Khang; anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Phúc. Cả hai không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Tại phiên tòa anh H đồng ý với ý kiến của chị A về con chung.

Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Trương Khang, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Xét thấy, khi Tòa án xem xét quyết định giao con cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc phải căn cứ vào các điều kiện thực tế của người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Nguyện vọng của cháu Khang xin được ở với mẹ, chị A cũng xin được nuôi cháu Khang và tại phiên tòa anh H đồng ý với ý kiến trên. Do vậy, cần giao cho chị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Khang; giao cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Phúc; cả hai không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù H.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị A và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Anh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N A được ly hôn với anh Trương Q H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Khang, sinh ngày 02/01/2015; giao cho anh Trương Q H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Phúc, sinh ngày 03/8/2019. Cả hai không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 00001233 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang Nhung

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Trưng Trắc;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Nhung